

# THIẾT KẾ PHIẾU BÀI TẬP CHO DẠNG BÀI LUYỆN TỪ VÀ CÂU LỚP 3 THEO ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC PHÂN HOÁ

Trần Phương Thanh, Vương Như Quỳnh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

**Tóm tắt:** *Dạy học phân hoá là xu hướng chung của giáo dục, bởi mỗi cá nhân có năng lực nhận thức, phong cách học tập khác biệt. Quan điểm dạy học này là giải pháp bền vững, đáp ứng tốt nhu cầu của học sinh và tối ưu hóa thời gian của các thầy cô. Bài viết đề xuất một số định hướng, quy trình thiết kế phiếu bài tập cho dạng bài luyện từ và câu ở lớp 3 theo hướng phân hoá, hỗ trợ việc xây dựng phiếu bài tập sử dụng trong dạy học thuận lợi và hiệu quả hơn.*

**Từ khoá:** *dạy học phân hoá, luyện từ và câu, lớp 3, phiếu bài tập.*

Nhận bài ngày 15.07.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.9.2024

Liên hệ tác giả: Trần Phương Thanh; Email: tpthanh@daihocthudo.edu.vn

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong các dạng bài tập quan trọng trong môn Tiếng Việt là bài tập luyện từ và câu (LTVC). Ở dạng bài tập này, học sinh (HS) được trang bị vốn từ lớn theo các chủ đề, tìm hiểu về các kiểu câu, dấu câu và phát huy ngôn ngữ biểu cảm khi sử dụng các biện pháp tu từ. Dạng bài đòi hỏi HS vận dụng cả 4 kỹ năng, phải tìm từ theo chủ đề dựa vào khả năng quan sát tổng hợp và tư duy thực tế, tự động não,... Với HS lớp 3, các em cần biết sắp xếp các từ để viết thành câu hoàn chỉnh theo các mẫu câu; sử dụng đúng các dấu câu, kiểu câu; cao hơn là viết những câu văn hay có chứa những hình ảnh so sánh, nhân hoá. Đây là bước nâng cao về tư duy và khả năng diễn đạt. Trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, sách giáo khoa chỉ là tài liệu tham chiếu trong quá trình dạy học, giáo viên (GV) có thể vận dụng linh hoạt theo tinh thần dạy học phân hoá phù hợp với các đối tượng HS.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Khái quát về dạy học phân hoá

Có nhiều nghiên cứu đã đề cập tới khái niệm dạy học phân hoá. Theo Hall và cộng sự (2003): “DHPH là cách tiếp cận dạy học đáp ứng những đối tượng HS khác nhau trong cùng một lớp nhằm mục đích tối đa hoá năng lực của mỗi cá nhân bằng cách tạo ra” [1]. Tomlinson và cộng sự (2008) nhận định: “DHPH là một triết lý dạy học dựa trên tiền đề cho rằng HS học tốt nhất khi giáo viên điều chỉnh quá trình dạy học sao cho phù hợp với trình độ, sở thích và phong cách học tập của các em” [2]. Ở Việt Nam, DHPH là một quan điểm dạy học đòi hỏi phải tổ chức, tiến hành tổ chức các hoạt động dạy học dựa trên những khác biệt của người học về năng lực, sở thích, nhu cầu và các điều kiện học tập, nhằm tạo ra những kết quả học tập tốt nhất cho người học.

Như vậy, DHPH là định hướng về nội dung và phương pháp dạy học. Trong đó, GV tổ chức dạy học tùy theo đối tượng, nhằm đảm bảo yêu cầu giáo dục phù hợp với nhu cầu tâm

- sinh lí, trình độ nhận thức, nhịp độ, hứng thú khác nhau và phong cách học tập của người học, trên cơ sở đó phát triển tiềm năng vốn có của mỗi HS.

Theo Nguyễn Phương Mai (2016), DPHP gồm 2 cấp độ: *phân hoá ngoài* (cấp độ vĩ mô), *phân hoá trong* (cấp độ vi mô) [3]. Ở đây, chúng tôi sẽ chỉ đề cập đến DPHP cấp độ vi mô. *Dạy học phân hoá trong* (cấp độ vi mô) là với mỗi chương trình học, cách DH chú ý tới từng đối tượng người học trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về người học. Từ đó, có các biện pháp tích cực, phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.

Trong cuốn sách “*How to differentiate instruction in mixed-ability classrooms*”, Ann Carol Tomlison (2001) cho rằng, trong quá trình DPHP cần phải đáp ứng ba đặc tính cơ bản của người học đó là: năng lực nhận thức, hứng thú và phong cách học tập. Để đáp ứng với những đặc điểm khác nhau của người học, GV có thể điều chỉnh, sửa đổi một trong ba yếu tố như: nội dung, quy trình và sản phẩm của quá trình dạy học [4].

a) *Nội dung dạy học* sẽ là nội dung về mặt kiến thức như: thông tin sự kiện, khái niệm, các nguyên tắc, phương pháp và tiến trình; nội dung về mặt kĩ năng và nội dung thái độ. Ngoài ra, nội dung còn bao gồm cả những thông tin mà GV thiết kế để dựa vào đó người học có thể tiếp cận kiến thức. HS sẽ phải vận dụng tối đa tất cả những nội dung này để chiếm lĩnh, làm chủ và có khả năng sử dụng trong mọi tình huống.

b) *Quy trình dạy học* là cách thức tiến hành hoạt động dạy, nhiệm vụ của hoạt động này nhằm giúp người học hiểu và cuối cùng là phải sở hữu được các khái niệm và kĩ năng. Phân hoá quy trình được hiểu là với cùng một nội dung nhưng được đưa ra cho HS với các sự trợ giúp khác nhau, có thể mang tính thử thách và tính chất phức tạp khác nhau. Phân hoá quy trình giúp cho những HS khá - giỏi (K - G) không cảm thấy quá nhàm chán, đơn giản khi khám phá kiến thức, còn HS trung bình - yếu (TB - Y) sẽ không đến mức ở trạng thái thất vọng khi phải đối mặt với vấn đề khó so với năng lực. Phân hoá quy trình cho phép HS lựa chọn phương pháp phù hợp với bản thân (năng lực, phong cách học khác nhau) để tiếp thu kiến thức, kĩ năng một cách dễ dàng hoặc lựa chọn những thử thách để chinh phục.

c) *Sản phẩm*: là cái HS có thể tạo ra khi kết thúc bài học để thể hiện sự làm chủ nội dung học tập của mình hay cách thức biểu hiện của HS về những thông tin kiến thức, kĩ năng mà người học đã lĩnh hội, chiếm lĩnh được sau bài học. DPHP cho phép HS có cơ hội lựa chọn cách thể hiện thông tin phản hồi dựa trên sở thích, thể mạnh và phong cách của mình.

## 2.2. Khái quát về phiếu bài tập (PBT)

Theo tác giả Nguyễn Thị Nga (2024), “Phiếu học tập là một phương tiện dạy học hữu ích hỗ trợ cho giáo viên trong việc truyền tải nội dung: cụ thể hóa mục tiêu dạy và học nhằm tăng cường các hoạt động nhận thức. Phiếu học tập kích thích học sinh chuẩn bị bài một cách hiệu quả, phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu cho học sinh. Trong quá trình dạy học, giáo viên có thể sử dụng phiếu học tập giao cho mỗi cá nhân hoặc nhóm học sinh, yêu cầu học sinh chủ động thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao” [5].

Tác giả Đỗ Mai Hiền (2011) cho rằng, PBT là những tờ giấy trên đó có ghi sẵn các thông tin cần thiết không có trong sách giáo khoa để yêu cầu HS phân tích, khai thác kiến thức phục vụ cho bài học. Hoặc có ghi sẵn những nhiệm vụ học tập dưới dạng các vấn đề, các câu hỏi, bài tập để yêu cầu HS giải quyết. Như vậy, PBT là một phương tiện dạy học được GV chuẩn bị trước, nhằm hỗ trợ cho giờ học, được thiết kế gồm: các câu hỏi, bài tập,

nhiệm vụ học tập,... có thể kèm theo gợi ý, hướng dẫn của GV. Người học thực hiện hoặc ghi các thông tin cần thiết để giải quyết vấn đề, qua đó lĩnh hội hoặc củng cố kiến thức.

Việc sử dụng PBT trong hoạt động dạy học giúp HS hoạt động độc lập hoặc thảo luận theo nhóm trong quá trình nhận thức. Thông qua PBT, người học có thể khám phá tri thức mới cũng như củng cố kiến thức đã học. Các nội dung trong PBT cung cấp thông tin cho HS một cách trực tiếp, là cơ sở, công cụ giao tiếp giữa GV và HS thông qua các câu hỏi, bài tập, yêu cầu cần thực hiện và gợi ý cách làm cho hoạt động nhận thức của HS. Với lượng kiến thức lớn của mỗi bài học, việc sử dụng PBT giúp HS có thể đạt được các mục tiêu trong việc dạy học một cách nhanh chóng và thuận lợi. Thông qua các PBT, GV có thể chuyển từ giảng giải, đàm thoại sang hoạt động hướng dẫn, HS được tham gia các hoạt động tích cực, không còn hiện tượng thụ động nghe giảng. Bên cạnh đó, GV có thể kiểm soát, đánh giá được khả năng nhận thức cũng như thái độ của HS. Từ đó, sẽ có biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.

Theo tác giả Phạm Quang Trung (2019), quy trình thiết kế PBT gồm 3 bước: Bước 1: Xác định trường hợp cụ thể sử dụng phiếu học; Bước 2: Xác định nội dung của phiếu học tập, cách thức trình bày nội dung học tập và hình thức thể hiện trong phiếu học tập; Bước 3: Viết phiếu học tập [6]. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra quy trình sử dụng phiếu trong giờ học như sau: Bước 1: GV nêu nhiệm vụ, phát PBT cho HS. HS có thể nhận được phiếu để hoạt động cá nhân hoặc mỗi nhóm một phiếu để hoạt động theo nhóm; Bước 2: HS tiến hành hoàn thành các nội dung trong PBT, GV quan sát và giám sát kết quả; Bước 3: Sau khi HS hoàn thành nội dung của PBT, GV có thể chỉ định một HS trình bày kết quả của mình; Bước 4: GV tổ chức cho HS cả lớp cùng thảo luận, bổ sung các nội dung để hoàn thành PBT. Thông qua quá trình trao đổi, thảo luận, GV có thể đánh giá thực hiện PBT của các cá nhân hoặc của nhóm HS. Chúng tôi nhận thấy quy trình này phù hợp với việc xây dựng PBT sử dụng trong dạy học luyện từ và câu cho học sinh lớp 3 theo định hướng phân hoá.

### **2.3. Thiết kế PBT dạng bài luyện từ và câu cho HS lớp 3 theo hướng phân hoá**

#### **2.3.1. Nguyên tắc thiết kế**

Khi thiết kế PBT theo hướng phân hoá hỗ trợ dạy học dạng bài LTVC lớp 3 phải đảm bảo phù hợp và bám sát nội dung chương trình của dạng bài LTVC lớp 3. Chương trình Giáo dục phổ thông đã đề ra nội dung về từ và câu mà học sinh cần được học gồm: Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau, từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; dấu gạch; dấu ngoặc kép; dấu hai chấm; đây là những nội dung kiến thức mới, cần hiểu và sử dụng được trong giao tiếp. Ngoài ra, phải đảm bảo nội dung liên quan đến môn học, dạng bài tạo điều kiện cho HS gắn kiến thức được học với thực tiễn cuộc sống. Đồng thời, giúp các em mở rộng kiến thức, kỹ năng, rèn luyện và phát triển được các năng lực chung và năng lực đặc thù.

Khi đề xuất thiết kế các PBT theo hướng phân hoá hỗ trợ dạy học dạng bài luyện từ và câu lớp 3 phải đảm bảo tính khoa học - thực tiễn (tính khả thi cao). Hiệu quả của việc dạy học luyện từ và câu lớp 3 là học sinh nắm vững các kiến thức cơ bản của các bài học và sử dụng thành thạo và linh hoạt vào xử lý các vấn đề đặt ra trong thực tiễn (trong học tập, lao động sản xuất và trong sinh hoạt hàng ngày). Để đạt được hiệu quả này thì những bài tập tình huống thực tiễn phải đơn giản, gần gũi, quen thuộc với các em. Vì vậy, trong quá trình thiết kế cần chọn lọc những vấn đề là những tình huống bám sát kiến thức và phù hợp với vốn kinh nghiệm sẵn có của HS trong đời sống hàng ngày khi liên hệ với thực tiễn. Ngoài ra, những tình huống đó phải là những tình huống xuất hiện trong thực tiễn.

Việc thiết kế và sử dụng PBT theo hướng phân hoá vào dạy học dạng bài luyện từ và câu lớp 3 trong quá trình giảng dạy không chỉ giúp dẫn dắt HS đến gần nhất và nhanh nhất với kiến thức cần lĩnh hội mà còn có tác dụng khuyến khích phát triển tư duy có phân tích của HS ở mức cao nhất. Trong những giờ học trước đây, hệ thống câu hỏi mà GV đặt ra tuy phù hợp với các đối tượng HS nhưng vẫn còn hạn chế bởi mục đích khai thác câu hỏi chủ yếu để HS hiểu ra nội dung mà chưa chú trọng rèn các hoạt động tư duy cho các em. Việc áp dụng phiếu học tập theo hướng phân hoá vào dạy học dạng bài luyện từ và câu sẽ giúp phân loại các kiến thức, câu hỏi theo mức độ đi từ Nhận biết  $\Rightarrow$  Hiểu  $\Rightarrow$  Vận dụng  $\Rightarrow$  Phân tích  $\Rightarrow$  Tổng hợp  $\Rightarrow$  Đánh giá, rồi từ đó vừa đảm bảo việc khai thác nội dung bài học vừa rèn kĩ năng tư duy cho các em.

### 2.3.2. Ma trận PBT theo hướng phân hoá hỗ trợ dạy học dạng bài luyện từ và câu lớp 3

Cấu trúc ma trận được thể hiện bằng bảng bao gồm: số lượng bài tập, số điểm cho mỗi bài và mức độ của bài tập. Cấu trúc đề hoặc PBT có 3 mức độ: *Mức độ 1*: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập; *Mức độ 2*: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự; *Mức độ 3*: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phân hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

Đặc biệt, đối với PBT phân hoá, giáo viên cần thiết kế ma trận dành cho hai nhóm đối tượng HS K-G và nhóm HS TB – Y. Ma trận dành cho nhóm HS K – G, bài tập nên có đủ cả ba mức độ, có thể nâng cao mức vận dụng và phân chia điểm tương đối đồng đều giữa các bài. Còn đối với nhóm HS TB – Y, GV có thể chỉ xây dựng bài tập ở mức độ 1, 2 mức điểm cao và phân chia điểm thấp ở bài tập mức độ tư duy vận dụng.

Bảng 1: Ma trận thiết kế PBT theo hướng phân hoá

Mức độ	HS TB – Y			HS K – G		
	Số câu	Số điểm	Tỉ lệ (%)	Số câu	Số điểm	Tỉ lệ (%)
Nhận biết	1	4	33.0	1	2	25.0
Kết nối	1	4	33.0	1	3	25.0
Vận dụng	1	2	33.0	2	5	50.0
<b>Tổng</b>	<b>3</b>	<b>10</b>	<b>100.0</b>	<b>4</b>	<b>10</b>	<b>100.0</b>

Chẳng hạn, để thiết kế phiếu bài tập phân hoá hỗ trợ bài Luyện từ và câu: “*Từ có nghĩa trái ngược nhau. Câu khiến*” trang 118 - sách giáo khoa Tiếng Việt 3 tập 2 - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống (Hùng và cộng sự, 2023) [7], GV cần xây dựng ma trận thiết kế PBT dành cho học sinh K – G và ma trận thiết kế phiếu bài tập dành cho học sinh TB – Y. Dưới đây là ví dụ minh hoạ:

Bảng 2: Ma trận thiết kế phiếu bài tập dành cho học sinh trung bình – yếu

Mức độ	HS trung bình – yếu		
	Số câu	Số điểm	Tỉ lệ (%)
Nhận biết	2	5	40.0
Kết nối	3	5	60.0
Vận dụng	0	0	0.0
<b>Tổng</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>100.0</b>

Bảng 3: Ma trận thiết kế phiếu bài tập dành cho học sinh khá – giỏi

Mức độ	HS khá - giỏi		
	Số câu	Số điểm	Tỉ lệ (%)
Nhận biết	1	1	20.0
Kết nối	1	3	20.0
Vận dụng	3	6	60.0
<b>Tổng</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>100.0</b>

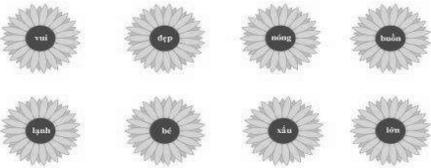
### 2.3.3. Phiếu bài tập minh họa theo hướng phân hoá hỗ trợ dạy học dạng bài luyện từ và câu lớp 3

#### Nội dung PBT dành cho HS K – G

Họ và tên :  
Lớp:

**PHIẾU BÀI TẬP**  
**LUYỆN TẬP: TỪ CÓ NGHĨA TRÁI NGƯỢC NHAU. CÂU KHIẾN**

**Bài 1:** Nói các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau trong những từ dưới đây:



**b) Tìm thêm một số cặp từ ngữ khác có nghĩa trái ngược nhau mà em biết:**

.....

**Bài 2:** Tìm thêm 3-5 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau trong bức tranh dưới đây:



.....

Trên con đường thành công, không có bước chân của kẻ lười biếng. Lê Tấn

**b) Đặt 3 câu với những cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau mà em vừa tìm được.**

.....

.....

.....

**Bài 3:** Đọc lại câu chuyện “Đi tìm mặt trời” và thực hiện đặt câu khiến trong mỗi tình huống sau:

**Đi tìm mặt trời**

Ngày xưa, muốn loài sống trong rừng già tối tăm, ẩm ướt. Gõ kiến được giao nhiệm vụ đến các nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời.

Gõ kiến gõ cửa nhà công, công mài móa. Gõ cửa nhà liều điều, liều điều bần cãi nhau. Gõ cửa nhà chích chòe, chích chòe mãi hót... Chỉ có gà trống nhận lời đi tìm mặt trời.

Gà trống bay từ bụi mây lên rừng núi. Từ rừng núi lên rừng lim, từ rừng lim lên rừng chò. Gà trống bay đến cây chò cao nhất, nhìn lên thấy mây bóng bành và sao nhấp nháy. Nó đậu ở đây chờ mặt trời.

Giờ lành rồi à k. Mấy lần gà trống suy nghĩ. Nó quắp những ngón chân thật chặt vào thân cây. Chờ mãi, đợi mãi... Ngồi thương các bạn sống trong tối tăm, ẩm ướt, gà trống định kêu to

– Trời đất ơi... ời...!

Kì lạ thay, gà trống vừa dứt tiếng kêu đầu thì sương tan. Dứt tiếng kêu thứ hai, sao lặn. Dứt tiếng kêu thứ ba, nắng đồng ửng sáng, mặt trời hiện ra. Mặt trời vươn những cánh tay ánh sáng dính lên đầu gà trống một cục lửa hồng.

Gà trống vui sướng bay về. Bay tới đâu, ánh sáng theo đến đấy. Dứt rừng sáng tươi như tranh vẽ.

Từ đó, khi gà trống cất tiếng gáy thì mặt trời hiện ra, chiếu ánh sáng cho mọi người, mọi vật.

(Theo Vũ Tú Nam)

**a) Đóng vai gõ kiến đến nhờ công, liều điều hoặc chích chòe đi tìm mặt trời.**

.....

.....

**b) Đóng vai gà trống, nói lời đề nghị mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt.**

.....

.....

Trên con đường thành công, không có bước chân của kẻ lười biếng. Lê Tấn

Hình 1: Minh họa PBT dành cho học sinh khá - giỏi

#### Mục tiêu phiếu bài tập dành cho HS K - G:

Bài 1	- HS nói được các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau. - HS tìm thêm được các cặp từ khác có nghĩa trái ngược nhau mà mình biết.
Bài 2	- HS quan sát tranh, viết ra được nhiều nhất 5 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau. - HS biết đặt câu có cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau mà mình vừa tìm được
Bài 3	- HS đọc kĩ văn bản, biết đóng vai vào một nhân vật. Sau đó, thực hiện đặt câu khiến theo yêu cầu đã cho.

#### Nội dung PBT dành cho HS TB – Y

Bài 1	- HS nói được các từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.
-------	--

	- HS tìm thêm được từ ngữ khác có nghĩa trái ngược với một số từ ngữ đã cho.
Bài 2	- HS quan sát tranh, viết ra được nhiều nhất 3 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau. - HS biết đặt 1 câu có sử dụng 1 cặp từ có nghĩa trái ngược nhau mà mình vừa tìm được,
Bài 3	- HS đọc kĩ văn bản, biết đóng vai vào một nhân vật. Sau đó, thực hiện đặt được ít nhất 1 câu khiến theo mẫu ở từng tình huống.

#### 2.4. Sử dụng PBT trong dạy học dạng bài luyện từ và câu lớp 3 tại trường Tiểu học Trung Hoà

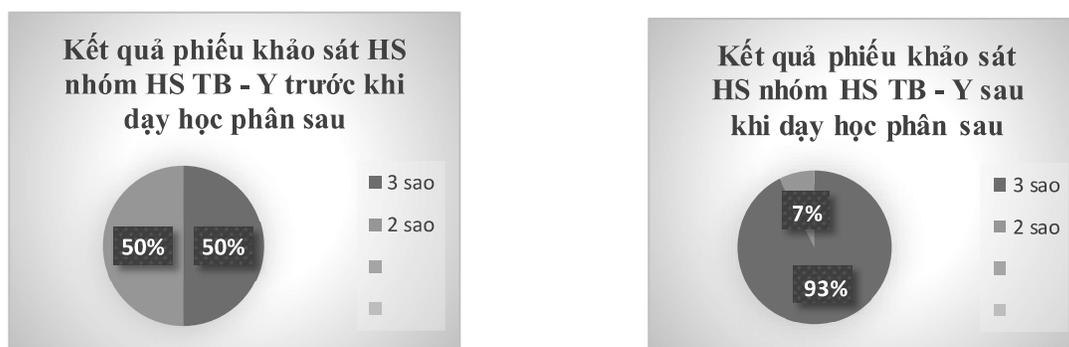
- Đối tượng áp dụng: HS lớp 3A - trường Tiểu học Trung Hoà.

- Nội dung áp dụng: Thực nghiệm hiệu quả của việc áp dụng PBT theo hướng phân hoá vào hỗ trợ dạy học dạng bài LTVC lớp 3 tại trường Tiểu học Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Kết quả áp dụng: Áp dụng thực tế PBT phân hoá trong một tiết dạy: “Luyện tập: Từ có nghĩa trái ngược nhau. Câu khiến” (trang 118 - 119, sách Tiếng Việt lớp 3, tập 1, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống).

Sau đó, chúng tôi tiến hành khảo sát hiệu quả sử dụng PBT phân hoá vào bài dạy: “Luyện tập: Từ có nghĩa trái ngược nhau. Câu khiến” (trang 118 - 119, sách Tiếng Việt lớp 3, tập 1, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) thông qua kiểm tra bài HS tại lớp và bằng cách cho HS làm phiếu khảo sát.

Kết quả khảo sát:



Hình 2: Kết quả khảo sát học sinh trung bình – yếu trước và sau khi dạy học phân hoá

Từ kết quả trên, tôi nhận thấy việc đưa PBT phân hoá vào bài dạy dạng bài LTVC lớp 3 đã thực sự bước đầu có hiệu quả. Phần lớn các HS ở các nhóm đều cảm thấy các bài tập trong phiếu phù hợp với khả năng của mình. Mức độ các bài tập không bị vượt quá hay ở dưới mức sức làm của các em. Đối với nhóm HS TB – Y, 100% các em đều có thể hoàn thành phiếu bài tập, hào hứng làm bài và nắm được kiến thức cơ bản. Còn nhóm HS K – G, các em được phát huy tối đa năng lực của mình, khiến các em tích cực làm bài trong và vừa đủ thời gian 35 phút mà không còn thời gian gây mất trật tự trong lớp. Ngoài ra, qua các tiết dạy, tôi cũng thấy rằng việc đưa PBT vào bài học cũng gây hứng thú học tập cho HS và đạt được kết quả tiết học cao hơn, giờ học trở nên sôi nổi và vui vẻ hơn.

### 3. KẾT LUẬN

Sử dụng phiếu bài tập (PBT) trong dạy học phân hóa dạng bài luyện từ và câu thực sự mang lại nhiều lợi ích đáng kể cho cả giáo viên và học sinh. Việc áp dụng phương pháp này không chỉ tạo hứng thú học tập cho mọi đối tượng học sinh mà còn giúp các em có nhịp độ nhận thức thấp xóa bỏ cảm giác tự ti, tham gia tích cực vào quá trình học tập. Điều này đồng thời khuyến khích học sinh khá giỏi phát huy tối đa tiềm năng và trí tuệ của mình, tránh sự nhàm chán, đồng thời thúc đẩy khả năng sáng tạo. Ngoài ra, việc thiết kế PBT theo hướng phân hóa cũng không quá phức tạp và không đòi hỏi nhiều phương tiện hiện đại. Một chiếc phiếu bài tập được chuẩn bị kỹ lưỡng đã đủ để tạo cơ hội cho học sinh rèn luyện, tiếp thu kiến thức một cách nhanh chóng và hiệu quả. Phương pháp này giúp giáo viên dễ dàng kết hợp giảng dạy với việc theo dõi, đánh giá học sinh một cách linh hoạt và toàn diện hơn.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hall, T., Strangman, N., & Meyer, A. (2003), *Differentiated instruction and implications for UDL implementation*, Wakefield, MA: National Center on Accessing the General Curriculum. Retrieved July, 29, 2010.
2. Tomlinson, C., Brimijoin, K., & Narvaez, L. (2008), *The differentiated school: Making revolutionary changes in teaching and learning*, ASCD.
3. Nguyễn Phương Mai (2016), Tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông theo quan điểm dạy học phân hoá, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 125, tr.24–26.
4. Tomlinson, C. A. (2001), *How to differentiate instruction in mixed-ability classrooms*, ASCD.
5. Nguyễn Thị Nga (2021), Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học chủ đề “So sánh hai phân số”(Toán 4), *Tạp chí Khoa học Trường Đại Học Hồng Đức*, số 57, tr.61–68.
6. Phạm Quang Trung (2019), Quy trình thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, kì 2(197), tr.65–68.
7. Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng (2023), *Tiếng Việt lớp 3 tập 2 - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

#### DESIGNING WORKSHEETS FOR GRADE 3 VOCABULARY AND SENTENCE PRACTICE BASED ON DIFFERENTIATED INSTRUCTION

**Abstract:** *Differentiated instruction is a prevalent approach in education, recognizing that each student has unique cognitive abilities and learning styles. This teaching method offers a sustainable solution that meets students' needs while maximizing teachers' time. The article outlines strategies and steps for creating worksheets for vocabulary and sentence exercises in grade 3, tailored to differentiated instruction.*

**Keywords:** *Differentiate instruction, words and sentences, grade 3, worksheet.*